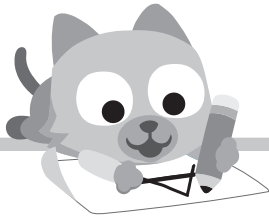


聖誕快樂

from studycat





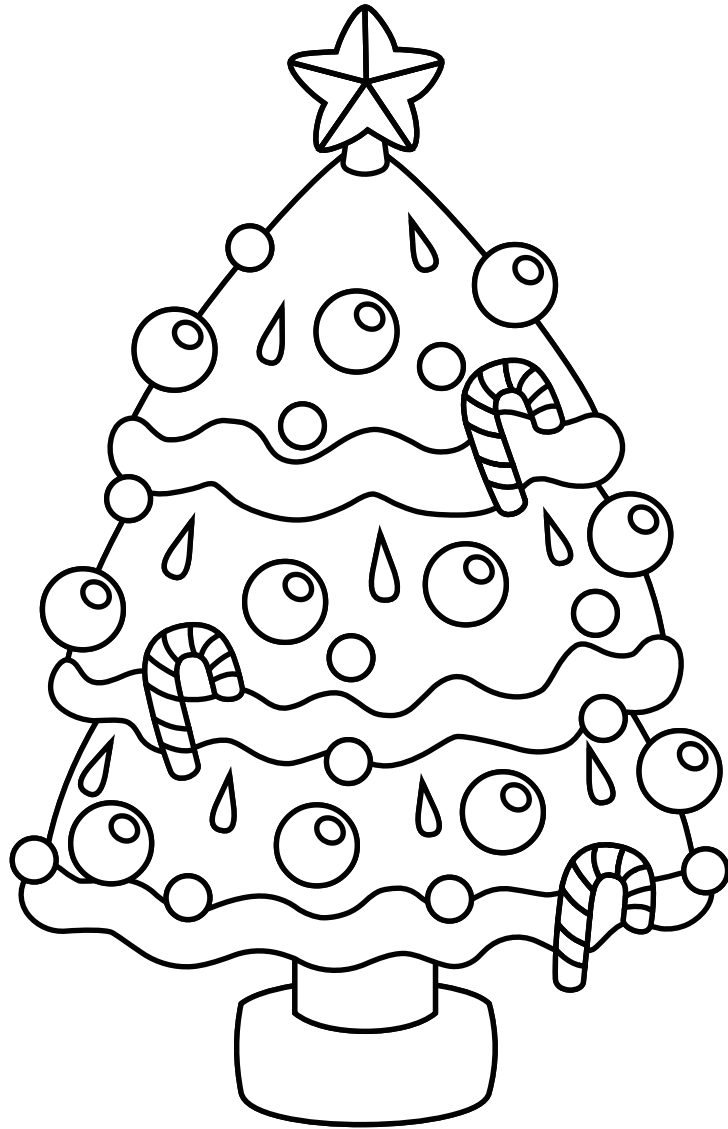
詞彙

著色



小精靈

Xiǎo jīng líng



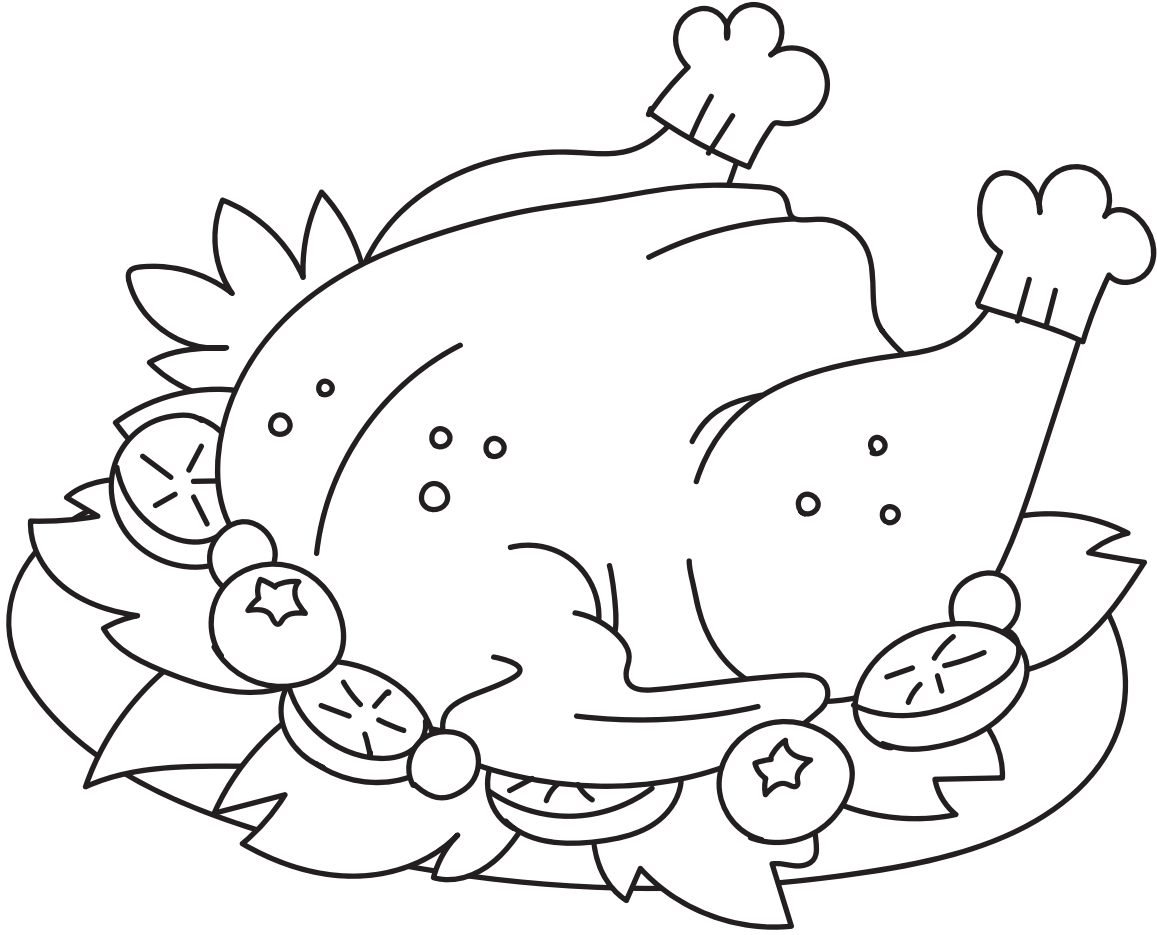
聖誕樹

Shèng dàn shù



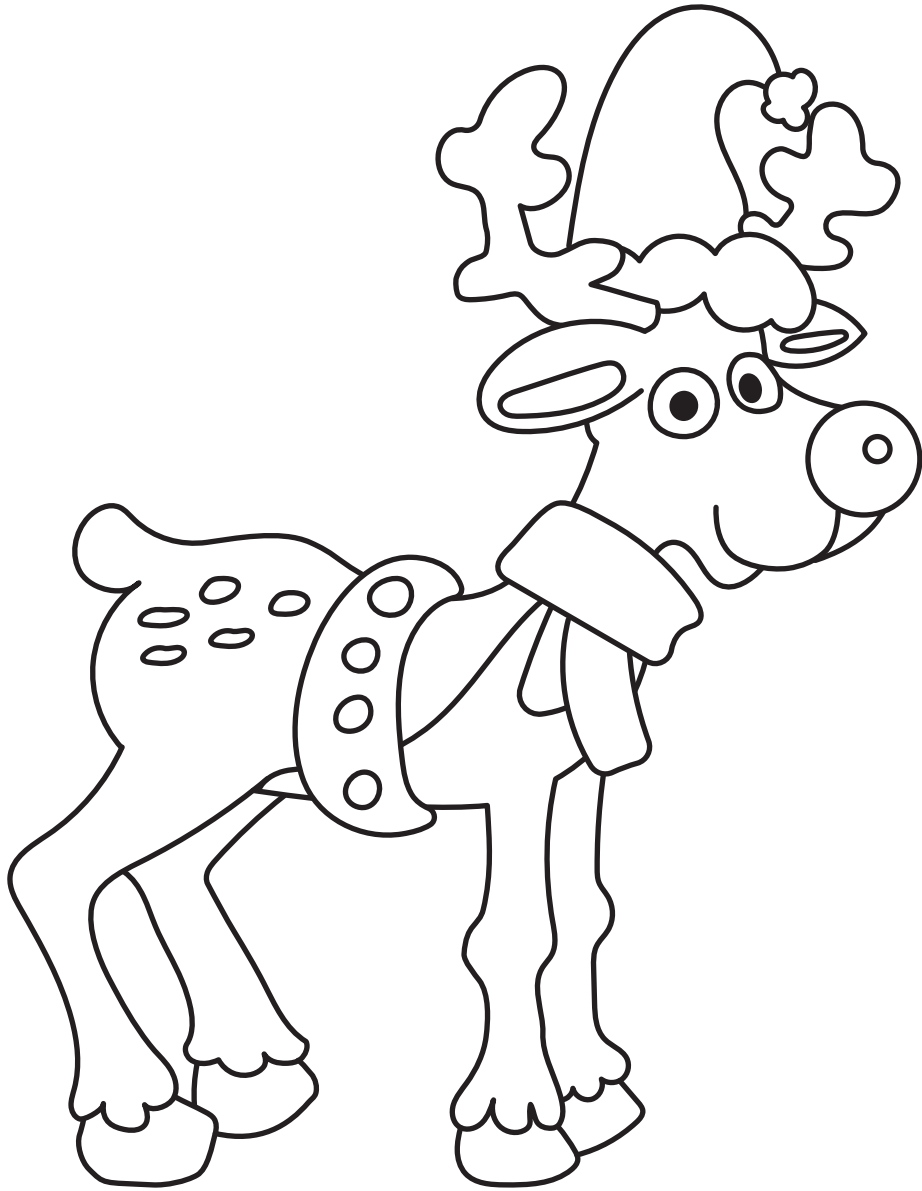
聖誕老公公

Shèng dàn lǎo gōng gōng



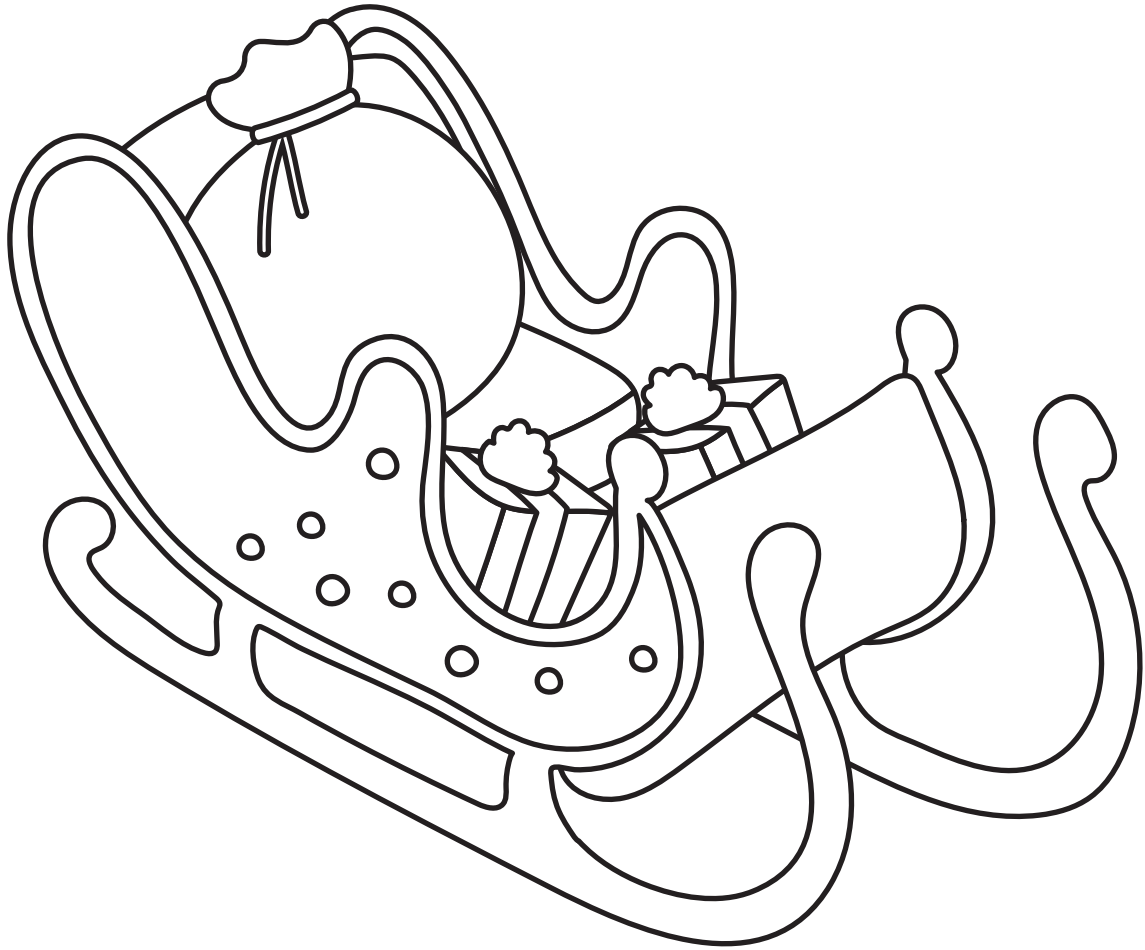
火雞

Huǒ jī



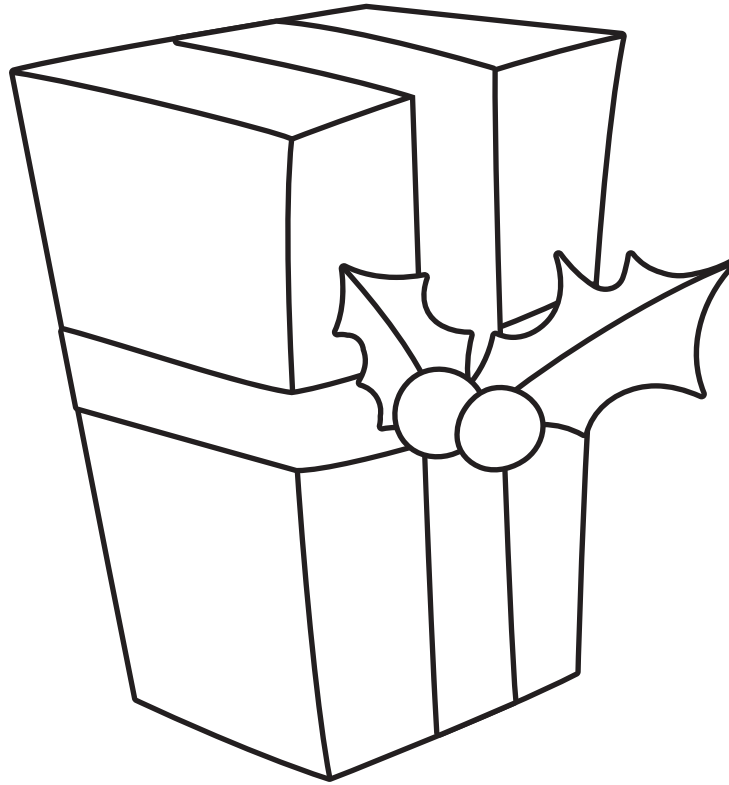
馴鹿

Xùn lù



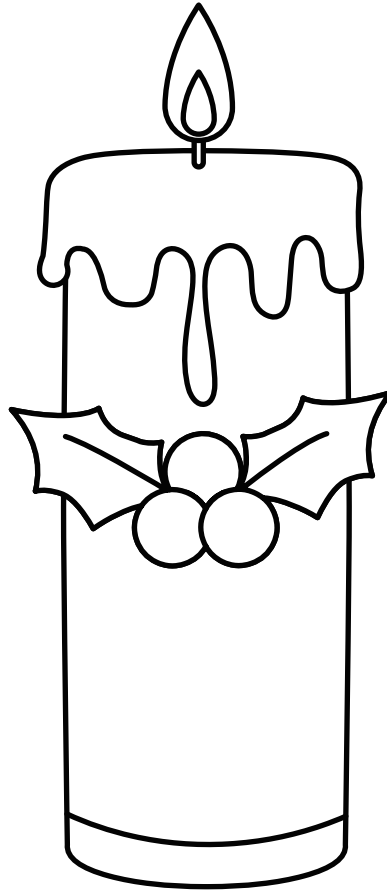
雪橇

Xuě qiāo



禮物

Lǐ wù



蠟燭

Là zhú



天使

Tiān shǐ



裝飾

Zhuāng shì



雪人

Xuě rén

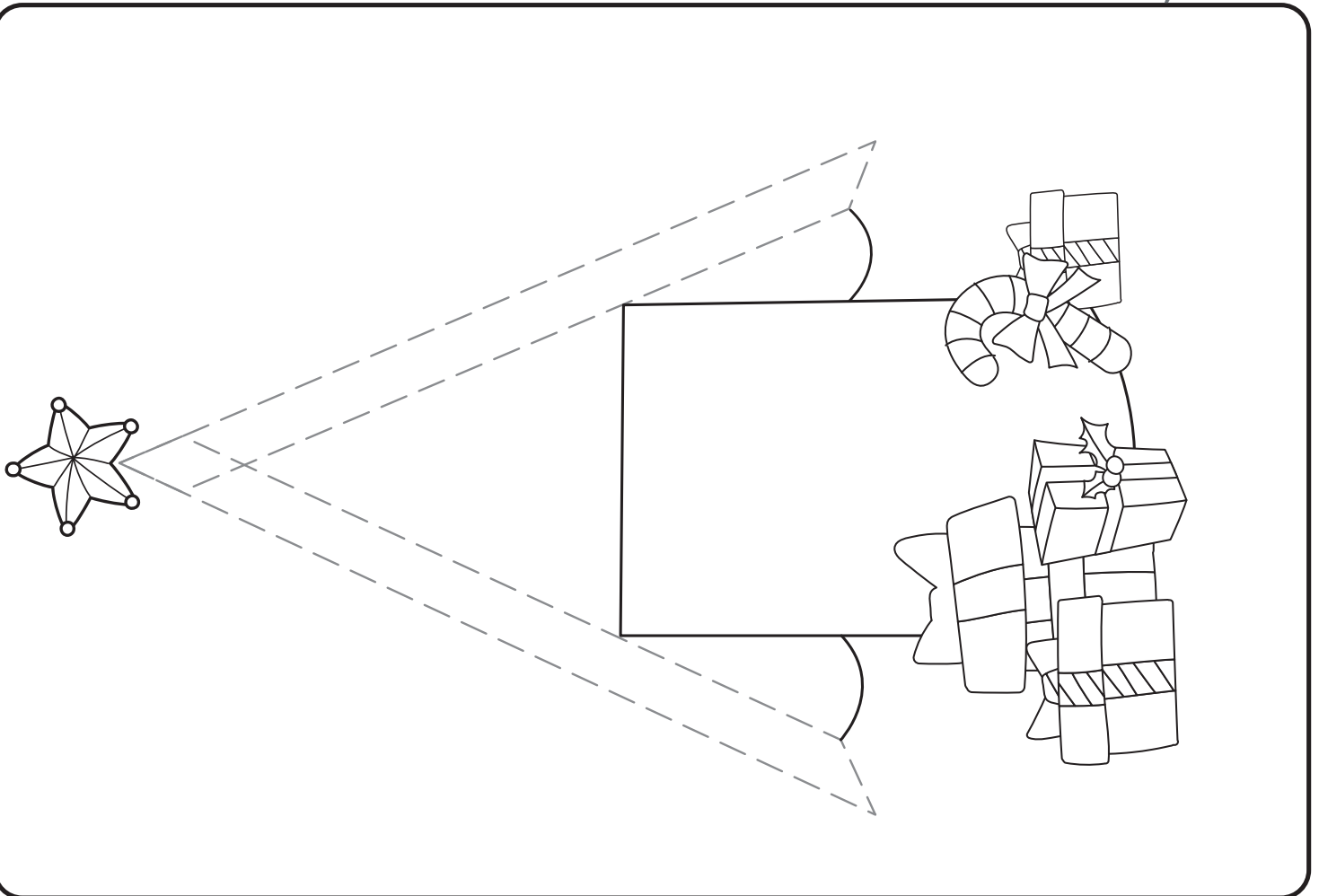
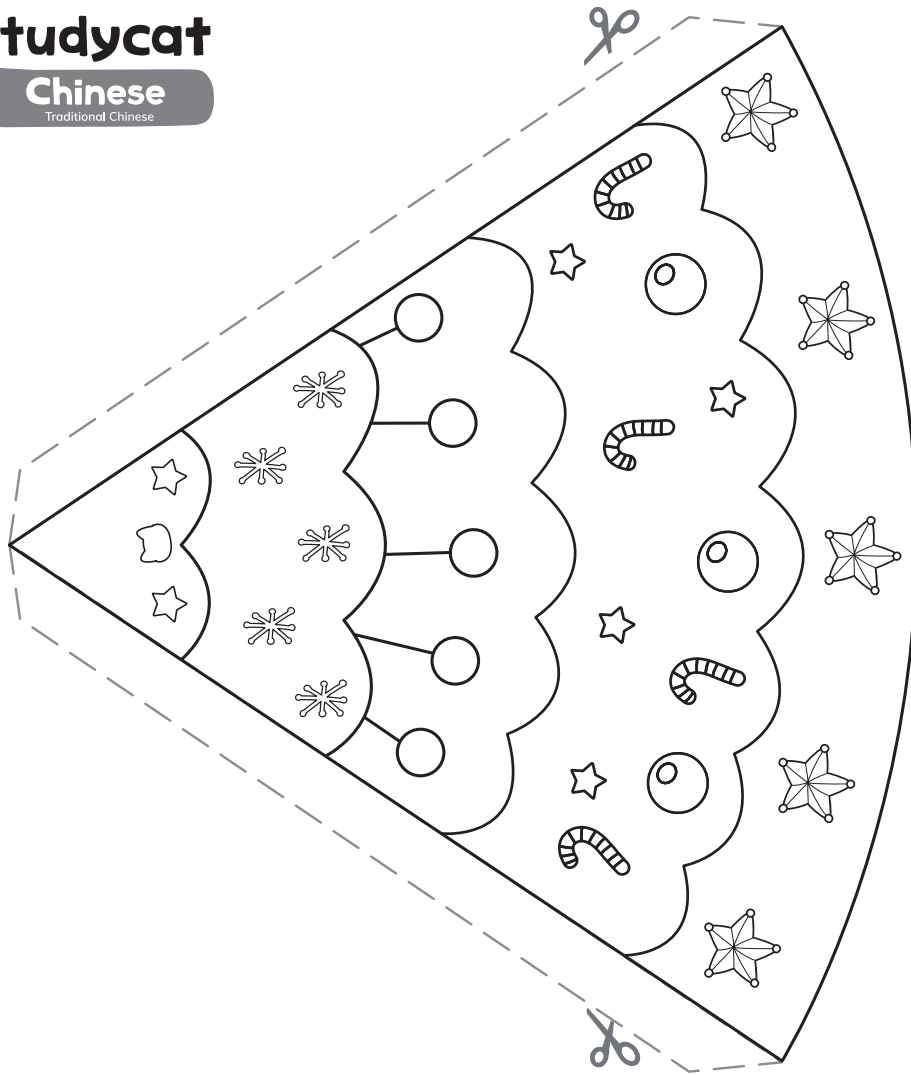


studycat

Chinese
Traditional Chinese



studycat.com



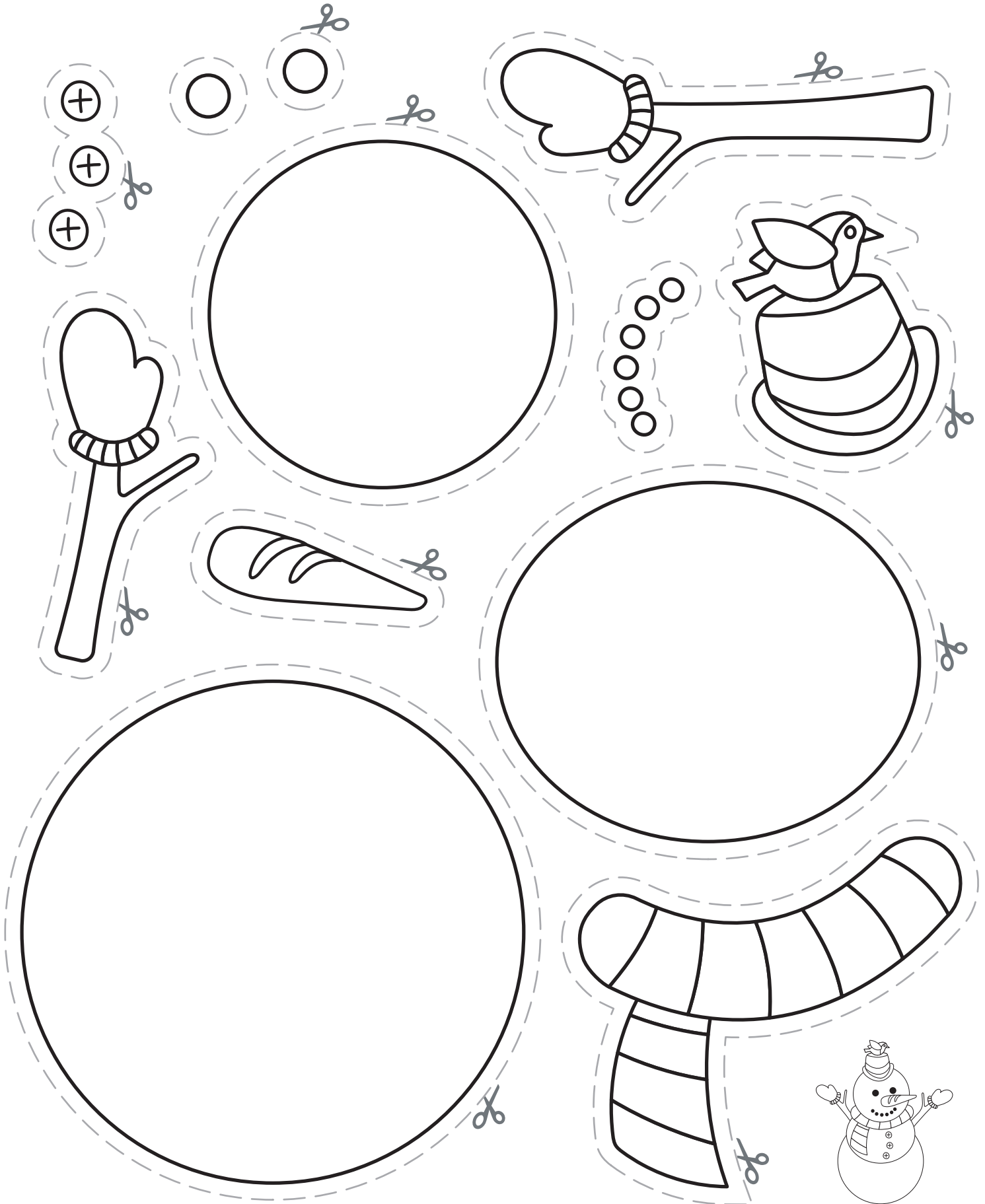
聖誕快樂

from studycat





堆自己的雪人





製作 & 遊戲

大家來找碴





製作 & 遊戲

連連看



●
裝飾

●
蠟燭

●
天使

●
火雞

●
聖誕樹